

lại một khoản kinh phí để thực hiện nhiệm vụ chi theo chương trình, mục tiêu của ngành và dự phòng để điều chỉnh bổ sung cho các đơn vị trực thuộc khi có phát sinh nhiệm vụ đột xuất được giao.

3. Cấp phát, hạch toán, quyết toán kinh phí và chế độ báo cáo.

3.1. Cấp phát kinh phí:

- Đối với các nội dung sử dụng kinh phí khoán: Căn cứ vào dự toán kinh phí được giao khoán đầu năm, hàng quý Bộ Tài chính cấp phát theo quy định hiện hành vào Mục 134 (chi khác). Kho bạc Nhà nước thực hiện việc trích, chuyển kinh phí theo đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị dự toán (chủ tài khoản). Thủ trưởng đơn vị dự toán được giao khoán kinh phí chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của đơn vị.

- Đối với các nội dung không sử dụng kinh phí khoán: Được cấp vào các mục chi của Mục lục Ngân sách theo nội dung sử dụng và dự toán được giao. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán kinh phí được duyệt, thực hiện thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Hạch toán và quyết toán kinh phí:

Tổng cục Thuế có trách nhiệm hạch toán, kế toán và quyết toán số kinh phí hoạt động theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Mục lục Ngân sách nhà nước, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các chế độ áp dụng đối với các đơn vị thực hiện khoán kinh phí.

3.3. Chế độ báo cáo:

Tổng cục Thuế có trách nhiệm chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính trong việc tổ chức triển khai công tác thực hiện khoán. Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị dự toán trực thuộc.

3.4. Hàng năm, Tổng cục Thuế và các đơn vị trực thuộc phải thực hiện công khai tài chính quy định hiện hành.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2002. Các văn bản hướng dẫn trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện thí điểm khoán biên chế và kinh phí hoạt động trong toàn ngành thuế theo Quyết định số 114/2002/QĐ-TTg ngày 04/9/2002 của Thủ tướng Chính phủ, các quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Hàng năm, Bộ Tài chính tổ chức sơ kết và đánh giá tình hình hoạt động và kết quả thực hiện thí điểm khoán biên chế và kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUYẾT ĐỊNH số 156/2002/QĐ-BTC ngày 20/12/2002 về việc bổ sung, sửa đổi hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05/8/2002 của Quốc hội Khóa XI quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25/12/2001; Nghị định số 12/2001/NĐ-CP ngày 27/3/2001 của Chính phủ về việc tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trực thuộc tỉnh, thành phố; Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001 - 2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục mã số bổ sung, sửa đổi của các Chương (A và B) - Khoản - Mục - Tiểu mục đã ban hành theo Quyết định số 280/TC-QĐ-BTC ngày 15/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; các Thông tư hướng dẫn, bổ sung và sửa đổi hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước số 156/1998/TT-BTC ngày 12/12/1998, số 60/1999/TT-BTC ngày 01/6/1999, số 67/2000/TT-BTC ngày 13/7/2000, số 67/2001/TT-BTC ngày 22/8/2001 của Bộ Tài chính để sử dụng cho công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Bộ Tài chính ủy quyền cho Sở

Tài chính - Vật giá quy định mã số Chương C và Chương D theo nguyên tắc lấy mã số Chương A, B tương ứng, nếu Chương (A và B) không có, lấy mã số Chương cao nhất của các cơ quan chuyên môn được sáp nhập để quy định cho cơ quan chuyên môn mới thành lập.

- Hủy bỏ Quyết định số 209/2000/QĐ-BTC ngày 25/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước áp dụng cho ngân sách cấp xã.

- Căn cứ vào hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 280/TC-QĐ-BTC ngày 15/4/1997, Quyết định số 148/2002/QĐ-BTC ngày 06/12/2002, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi và bổ sung Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành và những nội dung bổ sung, sửa đổi ban hành theo Quyết định này của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ Tài chính ủy quyền cho Sở Tài chính - Vật giá hướng dẫn ngân sách xã hạch toán phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2003. Các Quyết định và Thông tư hướng dẫn trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm, hướng dẫn và tổ chức thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

DANH MỤC mã số bổ sung và sửa đổi các Chương - Khoản - Mục và Tiểu mục của Mục lục Ngân sách nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 156/2002/QĐ-BTC ngày 20/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

I. DANH MỤC MÃ SỐ CHƯƠNG (A VÀ B) CỦA MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC HỦY BỎ, BỔ SUNG VÀ ĐỔI TÊN NHƯ SAU:

1. Bỏ Chương 043A "Học viện Hành chính Quốc gia" và Chương 043B "Trường Hành chính".
2. Bỏ Chương 058A "Tổng cục Hải quan".
3. Bỏ Chương 059A "Tổng cục Địa chính" và Chương 059B "Sở Địa chính".
4. Bỏ Chương 060A "Tổng cục Khí tượng thủy văn".
5. Bỏ Chương 062A "Tổng cục Bưu điện".
6. Bỏ Chương 085A "Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình" và Chương 085B "Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình".
7. Bỏ Chương 102A "Ban Vật giá Chính phủ".
8. Bỏ Chương 159 (A, B và C) "Nhà thầu và nhà thầu phụ nước ngoài".
9. Bổ sung Chương 026A "Bộ Tài nguyên và môi trường" và Chương 026B "Sở Tài nguyên và môi trường".
10. Bổ sung Chương 027A "Bộ Bưu chính viễn thông".
11. Bổ sung Chương 161 (A, B, C) "Nhà thầu".
12. Bổ sung Chương 162 (A, B, C) "Nhà thầu phụ".
13. Bổ sung Chương 165A "Tổng công ty Điện tử và tin học".
14. Bổ sung Chương 166A "Tổng công ty Rượu bia nước giải khát".
15. Bổ sung Chương 167A "Tổng công ty Da giấy Việt Nam".
16. Bổ sung Chương 168A "Tổng công ty Nhựa Việt Nam".
17. Bổ sung Chương 169A "Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam".
18. Bổ sung Chương 170A "Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị".
19. Bổ sung Chương 171A "Tổng công ty Mía đường I".
20. Bổ sung Chương 172A "Tổng công ty Mía đường II".
21. Bổ sung Chương 173A "Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam".
22. Đổi tên Chương 017A "Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường" thành "Bộ Khoa học và Công nghệ" và Chương 017B "Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường" thành "Sở Khoa học và Công nghệ".
23. Đổi tên Chương 035A "Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ" thành "Bộ Nội vụ" và Chương 035B "Ban Tổ chức chính quyền" thành "Sở Nội vụ".
24. Đổi tên Chương 083A "Ủy ban Dân tộc và Miền núi" thành "Ủy ban Dân tộc" và Chương 083B "Ban Dân tộc miền núi" thành "Ban Dân tộc".
25. Đổi tên Chương 086A "Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam" thành "Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em".
26. Đổi tên Chương 143A "Ngân hàng Người nghèo" thành "Ngân hàng Chính sách xã hội".

**II. DANH MỤC MÃ SỐ KHOẢN CỦA MỤC
LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỦY BỎ,
BỔ SUNG VÀ ĐỔI TÊN NHƯ SAU:**

1. Loại 01 “Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy lợi”.

- Bỏ khoản 12 “Chương trình khai thác sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven biển, ven sông (773)”.

2. Loại 04 “Công nghiệp chế biến”.

- Bổ sung khoản 55 “Gia công sản phẩm các loại”.

3. Loại 11 “Hoạt động khoa học công nghệ và môi trường”.

- Khoản 04 “Công nghệ thông tin” bỏ nội dung hướng dẫn cũ thay bằng nội dung hướng dẫn: để phản ánh các khoản chi cho chương trình công nghệ thông tin, đề án tin học....

4. Loại 13 “Quản lý nhà nước và an ninh - quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc”.

- Đổi tên khoản 10: “Chương trình biển Đông, hải đảo” thành “Chương trình biển Đông, hải đảo, cảnh sát biển”.

5. Loại 14 “Giáo dục và Đào tạo”.

- Bỏ các khoản 18 “Chi cho không sách, báo thiếu nhi vùng nông thôn miền núi Tây Nguyên, vùng xa, hải đảo”.

- Bổ sung khoản 23 “Tăng cường cơ sở vật chất các trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp”.

- Bổ sung khoản 24 “Dự án Tăng cường năng lực đào tạo nghề”.

- Bổ sung khoản 25 “Dự án Đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa”.

- Bổ sung khoản 26 “Dự án Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường”.

- Đổi tên khoản 14 “Mục tiêu phổ cập giáo dục và xóa mù chữ” thành “Dự án Củng cố và phát

huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở”.

- Đổi tên khoản 15 “Mục tiêu tăng cường giáo dục miền núi và vùng dân tộc” thành “Dự án Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn”.

- Đổi tên khoản 16 “Mục tiêu bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm” thành “Dự án Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm”.

6. Loại 15 “Y tế và các hoạt động xã hội”.

- Bỏ khoản 21 “Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000”.

- Bỏ khoản 23 “Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa”.

- Bỏ khoản 28 “Mục tiêu chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn”.

- Bỏ khoản 29 “Mục tiêu bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và xây dựng mô hình”.

- Bỏ khoản 30 “Mục tiêu truyền thông phối hợp giám sát kiểm tra sự nghiệp chăm sóc bảo vệ trẻ em”.

- Bỏ khoản 37 “Dự án kinh tế mới”.

- Bỏ khoản 42 “Kế hoạch hành động dinh dưỡng Quốc gia”.

- Bổ sung khoản 07 “Sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em”.

- Bổ sung khoản 10 “Sự nghiệp gia đình”.

- Bổ sung khoản 43 “Dự án Xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt”.

- Bổ sung khoản 44 “Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo nằm ngoài Chương trình 135”.

- Bổ sung khoản 45 “Dự án quy hoạch bố trí lại dân cư (Chương trình 135)”.

- Bổ sung khoản 46 "Dự án ổn định và phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm (Chương trình 135)".

- Bổ sung khoản 47 "Dự án đào tạo cán bộ xã, bản, làng, phum sóc (Chương trình 135)".

- Bổ sung khoản 48 "Dự án Tổ chức cho vay vốn theo các dự án giải quyết việc làm".

- Bổ sung khoản 49 "Dự án Nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm".

- Bổ sung khoản 50 "Dự án Điều tra, thống kê thị trường lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động".

- Bổ sung khoản 51 "Dự án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm".

- Đổi tên khoản 32 "Dự án Tín dụng đối với người nghèo" thành "Dự án Tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh".

- Đổi tên khoản 33 "Dự án Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề" thành "Dự án Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo".

- Đổi tên khoản 36 "Dự án Định canh định cư" thành "Dự án Định canh định cư ở các xã nghèo".

- Đổi tên khoản 38 "Dự án sắp xếp, ổn định di cư tự do" thành "Dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo".

- Thay từ "mục tiêu" bằng từ "dự án" đối với các khoản 11 đến khoản 17, khoản 24 đến 26, khoản 41.

- Thay từ "Chương trình" bằng từ "dự án" đối với khoản 18, khoản 40.

7. Loại 16 "Hoạt động văn hóa và thể thao".

- Bổ khoản 14 "Mục tiêu phát triển điện ảnh".

- Bổ khoản 15 "Mục tiêu đưa văn hóa thông tin về cơ sở".

- Bổ khoản 16 "Chương trình phủ sóng phát thanh về cơ sở".

- Bổ khoản 17 "Chương trình phủ sóng truyền hình vùng lõm thuộc vùng sâu, vùng xa, hải đảo".

- Bổ khoản 19 "Chương trình đưa truyền hình về vùng núi, vùng cao, biên giới hải đảo".

- Bổ khoản 20 "Mục tiêu đào tạo huấn luyện vận động viên thành tích cao, vận động viên năng khiếu, vận động viên trẻ".

- Bổ khoản 21 "Mục tiêu xây dựng các trung tâm thể dục, thể thao trọng điểm".

- Bổ sung khoản 24 "Dự án Nghiên cứu, điều tra, bảo tồn một số làng, bản, buôn tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người".

- Bổ sung khoản 25 "Dự án Xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở; xây dựng các mô hình hoạt động văn hóa thông tin ở làng xã".

- Bổ sung khoản 26 "Dự án Xây dựng làng, bản, ấp, xã, phường văn hóa".

- Bổ sung khoản 27 "Dự án Cung cấp các sản phẩm văn hóa thông tin cho cơ sở".

- Bổ sung khoản 28 "Dự án Tăng cường hoạt động văn hóa - thông tin tuyến biên giới và hải đảo".

- Bổ sung khoản 29 "Dự án Trang bị kỹ thuật hiện đại cho sản xuất và lưu trữ phim".

- Bổ sung khoản 30 "Dự án Trang bị kỹ thuật hiện đại cho phổ biến phim".

- Bổ sung khoản 31 "Dự án Đào tạo, nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, lưu trữ và phổ biến phim".

- Đổi tên khoản 13 "Mục tiêu trùng tu di tích lịch sử" thành "Dự án Chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến".

- Đổi tên khoản 22 "Mục tiêu điều tra sưu tầm phát triển vốn văn hóa phi vật thể" thành "Dự án Sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu; xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hóa phi vật thể".

**III. DANH MỤC MÃ SỐ MỤC - TIỂU MỤC
CỦA MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:
ĐƯỢC HỦY BỎ, BỔ SUNG VÀ
SỬA ĐỔI NHƯ SAU:**

1. Đổi tên Mục 003 “Thuế chuyển lợi nhuận” thành “Thuế chuyển thu nhập” và đổi tên các tiểu mục sau:

- Đổi tên Tiểu mục 01 “Thuế chuyển lợi nhuận của các chủ đầu tư nước ngoài ở Việt Nam về nước” thành “Thuế chuyển thu nhập của các chủ đầu tư nước ngoài ở Việt Nam về nước”.

- Đổi tên Tiểu mục 03 “Thuế chuyển lợi nhuận của các chủ đầu tư Việt Nam ở nước ngoài về nước” thành “Thuế chuyển thu nhập của các chủ đầu tư Việt Nam ở nước ngoài về nước”.

- Đổi tên Tiểu mục 99 “Thuế chuyển lợi nhuận khác” thành “Thuế chuyển thu nhập khác”.

2. Mục 108 “Các khoản thanh toán khác cho cá nhân” bổ sung các tiểu mục sau:

- Bổ sung Tiểu mục 02 “Chi khám chữa bệnh cho cán bộ, công chức Việt Nam làm việc ở nước ngoài”.

- Bổ sung Tiểu mục 03 “Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ”.

3. Mục 111 “Thông tin, tuyên truyền, liên lạc” bổ sung thêm các tiểu mục sau:

- Bổ sung Tiểu mục 13 “Thuê bao đường điện thoại”.

- Bổ sung Tiểu mục 14 “Thuê bao cáp truyền hình”.

4. Mục 122 “Chi về công tác người có công cách mạng và xã hội” bổ sung thêm tiểu mục sau:

- Bổ sung Tiểu mục 16 “Chi cho Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo”.

5. Mục 134 “Chi khác” bổ sung thêm các tiểu mục sau:

- Bổ sung Tiểu mục 16 “Chi lập Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập của đơn vị thực hiện khoán chi và sự nghiệp có thu”.

- Bổ sung Tiểu mục 17 “Chi lập Quỹ Phúc lợi của đơn vị sự nghiệp có thu”.

- Bổ sung Tiểu mục 18 “Chi lập Quỹ Khen thưởng của đơn vị sự nghiệp có thu”.

- Bổ sung Tiểu mục 19 “Chi lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp có thu”.

6. Mục 141 “Hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước” bổ sung thêm các tiểu mục sau:

- Bổ sung Tiểu mục 06 “Cấp vốn điều lệ”.

- Bổ sung Tiểu mục 07 “Cấp bù chênh lệch lãi suất”.

7. Mục 145 “Mua sắm tài sản cố định dùng cho công tác chuyên môn” bỏ và bổ sung thêm các tiểu mục sau:

- Bỏ Tiểu mục 07 “Máy tính, máy photo, máy fax”.

- Bổ sung Tiểu mục 12 “Thiết bị tin học”.

- Bổ sung Tiểu mục 13 “Máy photocopy”.

- Bổ sung Tiểu mục 14 “Máy fax”.

- Bổ sung Tiểu mục 15 “Máy phát điện”.

- Bổ sung Tiểu mục 16 “Máy bơm nước”.

8. Mục 153 “Hỗ trợ các Quỹ” bỏ và đổi tên các tiểu mục sau:

- Bỏ Tiểu mục 02 “Hỗ trợ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm”.

- Bỏ Tiểu mục 08 "Hỗ trợ khác Quỹ Hỗ trợ phát triển".

- Đổi tên Tiểu mục 03 "Cấp bù chênh lệch lãi suất Quỹ Hỗ trợ phát triển" thành "Cấp bù chênh lệch lãi suất".

- Đổi tên Tiểu mục 04 "Cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Quỹ Hỗ trợ phát triển" thành "Cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư".

- Đổi tên Tiểu mục 05 "Cấp bổ sung Quỹ Bảo lãnh Quỹ Hỗ trợ phát triển" thành "Cấp bổ sung Quỹ bảo lãnh".

- Đổi tên Tiểu mục 06 "Cấp bổ sung Quỹ rủi ro Quỹ Hỗ trợ phát triển" thành "Cấp bổ sung Quỹ Rủi ro".

- Đổi tên Tiểu mục 07 "Cấp hỗ trợ kinh phí hoạt động Quỹ Hỗ trợ phát triển" thành "Cấp hỗ trợ kinh phí hoạt động".

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

THÔNG TƯ số 35/2002/TT-BVHTT ngày 20/12/2002 hướng dẫn bổ sung một số quy định về hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ban hành Thông tư số 05/TT-PC ngày 08/1/1996 hướng dẫn thực hiện Quy chế Lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc; bán, cho thuê xuất bản phẩm; hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng; quảng

cáo, viết đặt biển hiệu, ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ; sau đây gọi tắt là Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ;

Căn cứ tình hình thực tiễn hiện nay, để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn bổ sung một số quy định về hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ như sau:

1. Hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng tại Thông tư này bao gồm:

a) Hoạt động vũ trường.

b) Hoạt động karaoke.

c) Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát và nơi công cộng.

d) Hoạt động vui chơi giải trí nơi công cộng.

2. Những quy định chung:

a) Các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa phải tuân thủ các quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ, Thông tư số 05/TT-PC ngày 08/1/1996 của Bộ Văn hóa - Thông tin và Thông tư này.

b) Chương trình biểu diễn các loại hình nghệ thuật phải có nội dung tốt, nhằm nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, tình cảm và thẩm mỹ cho mọi người, không vi phạm các quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ.

c) Chủ địa điểm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động tại cơ sở kinh doanh, cơ sở dịch vụ do mình quản lý, liên đới chịu trách nhiệm nếu để khách hàng hát, múa, biểu diễn các hình thức nghệ thuật khác có nội dung vi phạm Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số